

Bản án số: 438 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11- 2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Hòa Phúc

2/ Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 4 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Vương Thị Hồng N, sinh năm: 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 13/2A, đường C, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang.

2.*Bị đơn:* Anh Lê Quang Anh V, sinh năm: 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 29/9/2020, nguyên đơn chị Vương Thị Hồng N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quang Anh V quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 163/2011, quyển sổ 01/KH ngày 11/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm sóc nuôi dạy con tốt, nhưng chỉ được một thời gian, dần dần cuộc sống giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, không còn tiếng nói chung nên chúng tôi quyết định sống riêng, ly thân hơn 3 năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm,

chăm sóc ai. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và thấy không thể hàn gắn mối quan hệ này được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang Anh V.

- Về con chung: có 01(một) con chung tên: Lê Vương Thiên P, sinh ngày 7/11/2012. Hiện cháu P đang sống với chị N. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang Anh V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Quang Anh V có đơn xin vắng mặt buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tại bản tự khai ngày 29/9/2020 anh Vũ trình bày. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị N quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào năm 2012. Do tính tình vợ chồng không hợp nhau và cả hai không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Vương Thiên P, sinh ngày 7/11/2012. Từ trước đến nay cháu P sống chung với chị. Sau ly hôn anh đồng ý giao cháu P cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tôi không có ý kiến đối với nội dung này. Về nợ chung, tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Vương Thị Hồng N là nguyên đơn và anh Lê Quang Anh V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị N và anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Vương Thị Hồng N và anh Lê Quang Anh V theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hồng N và anh Lê Quang Anh V kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị N trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm sóc nuôi dạy con tốt, nhưng chỉ được một thời gian, dần dần cuộc sống giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, không còn tiếng nói chung nên anh chị quyết định sống riêng, ly thân hơn 3 năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chăm sóc ai. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và thấy không thể hàn gắn mối quan hệ này được nữa.

Còn anh Vũ trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và cả hai không có tiếng nói chung, nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy trong thời gian chung sống đã có sự phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không có tìm ra biện pháp ổn thỏa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau, hiện tại chị N xác định không còn tình cảm với anh V. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị cũng như nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị N và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01(một) con chung tên Lê Vương Thiên P, sinh ngày 7/11/2012. Hiện cháu P đang sống với chị N. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu P, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Còn anh V đồng ý sau ly hôn giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu P từ nhỏ đến nay cháu sống với chị N, được chị chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Tại bản tự khai ngày 29/9/2020 cháu P cũng có nguyện vọng sống với chị N. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị N được tiếp tục được nuôi cháu P là phù hợp. Anh V thì không cấp dưỡng nuôi con. Chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh V được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Vương Thị Hồng N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Vương Thị Hồng N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vương Thị Hồng N. Cho ly hôn giữa chị Vương Thị Hồng N và anh Lê Quang Anh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 163 /KH, ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Vương Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Vương Thiên P, sinh ngày 7/11/2012. Anh Lê Quang Anh V không phải cấp

dưỡng nuôi con. Chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh V được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu P, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Vương Thị Hồng N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Vương Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007297 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Vương Thị Hồng N và anh Lê Quang Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung